

PHỤ LỤC 01

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			Ghi chú
			Tổng cộng	NSTW	NSDP (xã)	Tổng cộng	NSTW	NSDP (xã)	Tổng cộng	NSTW	NSDP (xã)	
1	2	3=4+7+10	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13
	Tổng số	2.329,18	357,66	56,40	301,27	430,47	430,47	0,00	1.541,05	1.540,56	0,49	
1	Phòng Kinh tế	2.133,39	357,66	56,40	301,27	398,27	398,27	0,00	1.377,46	1.376,97	0,49	
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	163,59	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	163,59	163,59	0,00	
3	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	32,20	0,00			32,20	32,20	0,00	0,00			

PHỤC LỤC 02

PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2025									Thực hiện đến ngày 30/6/2025								Dự toán còn lại tiếp tục thực hiện từ ngày 01/7/2025							
		Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm trước chuyển sang				Kế hoạch vốn năm 2025				Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm trước chuyển sang				Kế hoạch vốn năm 2025				Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm trước chuyển sang			Kế hoạch vốn năm 2025		
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số		Nguồn TW	NSDP (xã)	Tổng số	Trong đó		
				Nguồn TW	Thành phố	Xã		Nguồn TW	Thành phố	Xã			Nguồn TW	Thành phố	Xã		Nguồn TW	NSDP (xã)						Nguồn TW	NSDP (xã)	
	TỔNG CỘNG	2.579,21	470,21	123,43	346,78	0,00	2.109,00	2.109	0,00	0,00	250,03	105,03	60,00	45,03	0,00	145,00	145,00	0,00	0,00	2.329,18	365,18	63,43	301,76	1.964,00	1.964	0,00
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG NTM	607,69	407,69	61,40	346,29	0,00	200,00	200,00	0,00	0,00	250,03	105,03	60,00	45,03	0,00	145,00	145,00	0,00	0,00	357,66	302,66	1,40	301,27	55,00	55,00	0,00
1	Chi sự nghiệp kinh tế	607,69	407,69	61,40	346,29	0,00	200,00	200,00	0,00	0,00	250,03	105,03	60,00	45,03	0,00	145,00	145,00	0,00	0,00	357,66	302,66	1,40	301,27	55,00	55,00	0,00
1.1	Nâng cao chất lượng môi trường , xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn: xây dựng khu dân cư kiểu mẫu - Thôn điểm Nông thôn mới ở vùng ĐBDTTS	91,31	1,31	1,31	0,00	0,00	90,00	90,00	0,00	0,00	60,00	0,00	0,00	0,00	0,00	60,00	60,00	0,00	0,00	31,31	1,31	1,31	0,00	30,00	30,00	0,00
	Phòng Kinh tế	91,31	1,31	1,31			90,00	90,00			60,00	0,00	0,00			60,00	60,00			31,31	1,31	1,31	0,00	30,00	30,00	0,00
1.2	Nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá, thể thao nông thôn, gắn với tổ chức cộng đồng	183,37	103,37	60,00	43,37	0,00	80,00	80,00	0,00	0,00	183,37	103,37	60,00	43,37	0,00	80,00	80,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Phòng Kinh tế	183,37	103,37	60,00	43,37		80,00	80,00			183,37	103,37	60,00	43,37		80,00	80,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.3	Kinh phí quản lý	15,00	0,00	0,00	0,00	0,00	15,00	15,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	15,00	0,00	0,00	0,00	15,00	15,00	0,00
	Phòng Kinh tế	15,00	0,00				15,00	15,00			0,00	0,00				0,00				15,00	0,00	0,00	0,00	15,00	15,00	0,00
1.4	Đẩy mạnh đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, triển khai phong trào cả nước thi đua XD NTM	15,08	0,08	0,08	0,00	0,00	15,00	15,00	0,00	0,00	5,00	0,00	0,00	0,00	0,00	5,00	5,00	0,00	0,00	10,08	0,08	0,08	0,00	10,00	10,00	0,00
	Phòng Kinh tế	15,08	0,08	0,08			15,00	15,00			5,00	0,00				5,00	5,00			10,08	0,08	0,08	0,00	10,00	10,00	0,00
1.5	Quy hoạch chung	302,92	302,92	0,00	302,92	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1,66	1,66	0,00	1,66	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	301,27	301,27	0,00	301,27	0,00	0,00	0,00
	Phòng Kinh tế	302,92	302,92		302,92		0,00					1,66		1,66		0,00				301,27	301,27	0,00	301,27	0,00	0,00	0,00
II	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	430,47	13,47	13,47	0,00	0,00	417,00	417,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	430,47	13,47	13,47	0,00	417,00	417,00	0,00

1	Chi sự nghiệp kinh tế	430,47	13,47	13,47	0,00	0,00	417,00	417,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	430,47	13,47	13,47	0,00	417,00	417,00	0,00
1.1	Dự án 1: Hỗ trợ đất ở, nhà ở đất sản xuất	13,00	13,00	13,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	13,00	13,00	13,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Phòng Kinh tế	13,00	13,00	13,00			0,00				0,00	0,00				0,00				13,00	13,00	13,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.2	Dự án 3. Tiêu DA2 : Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị , vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DDB DTTS	258,27	0,27	0,27	0,00	0,00	258,00	258,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	258,27	0,27	0,27	0,00	258,00	258,00	0,00
	Phòng Kinh tế	258,27	0,27	0,27			258,00	258,00			0,00	0,00				0,00				258,27	0,27	0,27	0,00	258,00	258,00	0,00
1.3	Dự án 4: Tiêu DA 1 Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	127,00	0,00	0,00	0,00	0,00	127,00	127,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	127,00	0,00	0,00	0,00	127,00	127,00	0,00
	Phòng Kinh tế	127,00	0,00				127,00	127,00			0,00	0,00				0,00				127,00	0,00	0,00	0,00	127,00	127,00	0,00
1.4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	32,20	0,20	0,20	0,00	0,00	32,00	32,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	32,20	0,20	0,20	0,00	32,00	32,00	0,00
	Ủy ban MTTQVN xã	32,20	0,20	0,20			32,00	32,00			0,00	0,00				0,00				32,20	0,20	0,20	0,00	32,00	32,00	0,00
III	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGÈO BỀN VỮNG	1.541,05	49,05	48,56	0,49	0,00	1.492,00	1.492,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1.541,05	49,05	48,56	0,49	1.492,00	1.492,00	0,00
1	Chi sự nghiệp kinh tế	1.541,05	49,05	48,56	0,49	0,00	1.492,00	1.492,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1.541,05	49,05	48,56	0,49	1.492,00	1.492,00	0,00
1.1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế	788,93	0,93	0,64	0,29	0,00	788,00	788,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	788,93	0,93	0,64	0,29	788,00	788,00	0,00
-	Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo	788,93	0,93	0,64	0,29	0,00	788,00	788,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	788,93	0,93	0,64	0,29	788,00	788,00	0,00
	Phòng Kinh tế	788,93	0,93	0,64	0,29		788,00	788,00			0,00	0,00				0,00				788,93	0,93	0,64	0,29	788,00	788,00	0,00
1.2	Dự án 3 : Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	651,28	40,28	40,12	0,15	0,00	611,00	611,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	651,28	40,28	40,12	0,15	611,00	611,00	0,00
-	Tiểu dự án 1 : Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	487,68	0,68	0,53	0,15	0,00	487,00	487,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	487,68	0,68	0,53	0,15	487,00	487,00	0,00
	Phòng Kinh tế	487,68	0,68	0,53	0,15		487,00	487,00			0,00	0,00				0,00				487,68	0,68	0,53	0,15	487,00	487,00	0,00
-	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	163,59	39,59	39,59	0,00	0,00	124,00	124,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	163,59	39,59	39,59	0,00	124,00	124,00	0,00
	Phòng Văn hóa - Xã hội	163,59	39,59	39,59			124,00	124,00			0,00	0,00				0,00				163,59	39,59	39,59	0,00	124,00	124,00	0,00
1.3	Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo	15,00	0,00	0,00	0,00	0,00	15,00	15,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	15,00	0,00	0,00	0,00	15,00	15,00	0,00

-	Tiểu dự án 2 : truyền thông về giảm nghèo đa chiều	15,00	0,00	0,00	0,00	0,00	15,00	15,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	15,00	0,00	0,00	0,00	15,00	15,00	0,00
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>15,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>			<i>15,00</i>	<i>15,00</i>			<i>0,00</i>	<i>0,00</i>				<i>0,00</i>				<i>15,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>15,00</i>	<i>15,00</i>	<i>0,00</i>
1.4	Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát đánh giá chương trình	85,84	7,84	7,80	0,05	0,00	78,00	78,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	85,84	7,84	7,80	0,05	78,00	78,00	0,00
-	Tiểu dự án 1 : Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	61,84	7,84	7,80	0,05	0,00	54,00	54,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	61,84	7,84	7,80	0,05	54,00	54,00	0,00
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>61,84</i>	<i>7,84</i>	<i>7,80</i>	<i>0,05</i>		<i>54,00</i>	<i>54,00</i>			<i>0,00</i>	<i>0,00</i>				<i>0,00</i>				<i>61,84</i>	<i>7,84</i>	<i>7,80</i>	<i>0,05</i>	<i>54,00</i>	<i>54,00</i>	<i>0,00</i>
-	Tiểu dự án 2: Giám sát đánh giá	24,00	0,00	0,00	0,00	0,00	24,00	24,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	24,00	0,00	0,00	0,00	24,00	24,00	0,00
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>24,00</i>	<i>0,00</i>				<i>24,00</i>	<i>24,00</i>			<i>0,00</i>	<i>0,00</i>				<i>0,00</i>				<i>24,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>24,00</i>	<i>24,00</i>	<i>0,00</i>